

Phụ lục IV
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ DÂN SỰ ĐIỆN ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
(Kèm theo Thông báo số 1018 /TB-ĐT ngày 22/ 8 /2025 của Phòng Đào tạo)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
1	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	07/10/2007	23.96	DS02	Trí tuệ nhận tạo
2	BÙI ĐÌNH THANH	07/03/2006	21.89	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử

Phụ lục V
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ DÂN SỰ
(Kèm theo Thông báo số: 1018 /TB-ĐT ngày 22 / 8 /2025 của Phòng Đào tạo)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
1	ĐẶNG QUANG VŨ	01/03/2007	27.25	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
2	PHẠM THỊ GIANG	24/07/2007	27.2	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
3	LÊ CÔNG HOÀNG	14/05/2007	26.97	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
4	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	18/03/2007	26.86	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
5	NGUYỄN TẤN DŨNG	24/10/2007	26.85	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
6	HÀN PHÚ BÌNH	12/06/2007	26.75	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
7	TRỊNH QUANG DUY	01/04/2005	26.75	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
8	BÙI ĐỨC DƯƠNG	15/11/2007	26.73	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
9	TẠ MINH HIẾU	27/11/2007	26.5	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
10	PHẠM THỊ MINH THƯ	01/02/2007	26.5	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
11	NGUYỄN PHÚ DƯƠNG	31/01/2007	26.4	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
12	ĐỖ CHÍ THĂNG	24/11/2007	26.36	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
13	ĐỒNG THỊ THANH TÂM	07/07/2006	26.27	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
14	NGUYỄN QUỐC THÁI	31/05/2007	26.25	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
15	LƯƠNG LÊ BẢO QUỲNH	21/10/2007	26.23	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
16	NGUYỄN LƯƠNG NGUYỄN PHÚC	21/07/2007	26.18	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
17	NGUYỄN KHẮC TÙNG	12/04/2007	26.04	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
18	LƯƠNG THỊ MAI PHƯƠNG	05/04/2007	26	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
19	TRẦN XUÂN VĂN	16/02/2007	25.8	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
20	PHẠM QUANG THÁI	08/10/2007	25.75	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
21	CAO MINH PHƯƠNG	31/12/2007	25.75	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
22	TRẦN NGUYỄN UYÊN THƯ	06/10/2007	25.73	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
23	NGUYỄN MẠNH NAM	16/08/2007	25.65	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
24	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	04/03/2007	25.41	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
25	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	01/01/2007	25.33	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
26	BÙI TRUNG KIÊN	05/08/2007	25.33	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
27	TRẦN QUANG TRƯỜNG	14/11/2007	25.33	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
28	NGUYỄN TRUNG VIỆT	04/01/2007	25.33	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
29	PHẠM HUY HOÀNG	12/03/2007	25.26	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
30	HOÀNG TRUNG HIẾU	21/05/2007	25.17	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
31	THẨM QUANG THẮNG	26/10/2007	25	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
32	ĐẶNG THỊ BẠCH TUYẾT	02/08/2007	25	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
33	VŨ QUỐC VIỆT	13/07/2007	24.87	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
34	TRẦN LÊ ĐỨC ANH	19/09/2007	24.87	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
35	LÊ HUY KHANG	30/03/2000	24.81	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
36	LÊ QUÝ ĐẠI	14/02/2007	24.75	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
37	LÊ MINH ĐỨC	15/07/2007	24.75	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
38	NGUYỄN MẠNH TÙNG	04/12/2007	24.68	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
39	PHẠM NGUYỄN HỮU DŨNG	18/12/2007	24.65	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
40	VŨ THỊ THANH THÙY	12/07/2007	24.64	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
41	NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG	02/03/2007	24.63	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
42	TRẦN DUY KHÔI	19/06/2007	24.63	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
43	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	31/07/2007	24.63	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
44	NGUYỄN QUỐC HƯNG	23/04/2007	24.63	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
45	TRẦN MINH ANH	14/11/2007	24.63	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
46	NGUYỄN VIỆT TIẾN	07/12/2007	24.63	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
47	NGUYỄN MAI TRƯỜNG GIANG	17/09/2007	24.54	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
48	ĐÀO TRUNG DŨNG	09/02/2007	24.51	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
49	LÊ QUỐC ANH	30/10/2007	24.5	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
50	NGUYỄN THỰC UYÊN	30/01/2007	24.5	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
51	VƯƠNG TIẾN LỰC	29/03/2007	24.5	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
52	NGUYỄN THẾ TRỌNG	17/03/2007	24.5	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
53	NGUYỄN AN DUY	21/12/2007	24.44	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
54	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	04/10/2007	24.4	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
55	ĐẶNG THÀNH LONG	21/02/2007	24.4	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
56	VŨ ĐĂNG KHOA	23/02/2007	24.4	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
57	NGUYỄN HÙNG MẠNH	04/09/2007	24.35	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
58	NGUYỄN HUY THÔNG	29/06/2007	24.25	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
59	TRẦN DANH KIÊN	17/12/2007	24.25	DS01	Hệ thống thông tin (Hệ Dân sự)
60	VŨ NGỌC QUANG	10/11/2007	28.5	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
61	TRẦN TUẤN ANH	29/04/2007	27.97	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
62	LÊ NGUYỄN MINH HẢI	15/09/2007	27.75	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
63	NGUYỄN ĐỨC TÀI	06/03/2007	27.58	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
64	NGUYỄN NGỌC QUANG	31/12/2007	27.18	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
65	TRẦN QUỐC THIÊN	08/10/2007	26.97	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
66	NGUYỄN VIỆT ANH	26/11/2007	26.86	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
67	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	20/11/2007	26.75	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
68	NGUYỄN VĂN ĐỨC	07/04/2006	26.63	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
69	LÊ PHAN NGỌC TÂN	22/12/2007	26.62	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
70	PHẠM LÊ BẢO THANH	08/11/2007	26.62	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
71	NGUYỄN ĐÌNH MINH	18/08/2007	26.59	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
72	LÊ ĐỨC MẠNH	12/10/2007	26.38	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
73	ĐỖ VĂN MINH	27/09/2006	26.18	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
74	NGUYỄN MINH KHÔI	21/03/2007	26.13	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
75	NGUYỄN THÁI KHƯƠNG DUY	12/01/2007	26.05	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
76	NGUYỄN PHƯƠNG VY	08/12/2007	26.03	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
77	NGUYỄN HOÀNG KIÊN	11/01/2007	26	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
78	VŨ ANH TUẤN KIẾT	27/09/2007	25.89	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
79	VŨ HOÀNG ANH	19/12/2007	25.89	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
80	VŨ ANH KHOA	28/02/2005	25.87	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
81	HOÀNG TUẤN ANH	21/06/2007	25.8	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
82	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	17/01/2007	25.75	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
83	LƯU LÂM HẢI	11/11/2007	25.67	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
84	NGUYỄN THẾ LONG	18/03/2007	25.5	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
85	TRẦN VĂN LỢI	17/05/2007	25.41	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
86	NGUYỄN DƯƠNG TRƯỜNG VŨ	19/07/2007	25.41	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
87	PHẠM TRẦN ĐĂNG KHOA	21/01/2007	25.39	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
88	LÊ TUẤN ANH	26/10/2007	25.33	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
89	PHẠM MINH ĐỨC	19/07/2007	25.33	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
90	HOÀNG CHUNG VĨNH	22/10/2006	25.25	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
91	KIỀU CAO THẠCH	14/11/2007	25.17	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
92	HỒ SỸ HÙNG	28/07/2007	25.17	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
93	KHUẤT DUY MẠNH	10/04/2007	25.1	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
94	PHAN HỮU QUANG TRƯỜNG	26/01/2007	25.1	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
95	NGUYỄN DUY CẢNH	24/01/2007	25.1	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
96	LÊ ANH DŨNG	20/01/2007	25.1	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
97	HỒ VĂN HOÀNG	22/02/2006	25.1	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
98	TÔ HỒNG TRANG	06/09/2006	25.07	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
99	TRẦN HỮU ĐẮC	24/11/2006	25.01	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
100	LÊ HÒ QUANG VINH	11/11/2007	25	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
101	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	13/12/2007	25	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
102	LÊ THỊ HỒNG VÂN	21/07/2007	25	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
103	HÀ THẾ PHONG	24/10/2007	25	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
104	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	21/10/2007	24.93	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
105	NGUYỄN MINH NGUYỄN	19/03/2007	24.93	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
106	NGUYỄN NGỌC MINH	04/07/2007	24.89	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
107	TRẦN TRUNG KIÊN	29/03/2007	24.87	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
108	PHẠM NHẬT TÂN	24/12/2007	24.87	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
109	PHẠM QUANG KẾT	31/01/2007	24.87	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
110	NGUYỄN ANH KIẾT	11/11/2007	24.82	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
111	ĐỖ HỒNG QUANG NHÂN	14/09/2007	24.75	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
112	VÕ LÊ ANH MINH	15/05/2007	24.75	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
113	PHẠM GIA HUY	21/02/2007	24.68	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
114	TRƯƠNG HẢI ANH	30/10/2007	24.57	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
115	PHẠM HỮU ĐIỀN	21/10/2006	24.54	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
116	NGUYỄN ĐỨC MINH	23/07/2007	24.5	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
117	HOÀNG THIÊN HÀ	16/12/2007	24.5	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
118	NGUYỄN QUỐC HÙNG	08/12/2007	24.5	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
119	ĐỖ NGUYỄN MẠNH	28/09/2007	24.5	DS02	Trí tuệ nhân tạo (Hệ Dân sự)
120	NGUYỄN NGỌC NAM ANH	13/03/2007	28.25	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
121	NGUYỄN THỊ THU HUỆ	14/02/2007	27.67	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
122	VŨ TRẦN GIANG MINH	08/09/2007	27.58	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
123	BÙI ANH TUẤN	27/07/2003	27.3	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
124	LÊ THỊ PHƯƠNG TRANG	29/10/2007	27.1	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
125	TRƯƠNG ANH KHÔI	24/04/2007	27	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
126	HỒ TRUNG DÂN	30/05/2007	26.97	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
127	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	08/12/2007	26.73	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
128	NGÔ XUÂN KHẢI	28/02/2007	26.5	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
129	PHẠM VĂN QUANG	04/11/2007	26.38	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
130	LÊ VIỆT TƯỜNG MINH	15/11/2007	26.25	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
131	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	13/06/2007	26.13	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
132	CHU NGUYỄN THẾ QUANG	07/04/2007	26.13	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
133	ĐỖ ĐỨC TÂM	21/11/2007	26.13	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
134	TRẦN ĐÌNH MẠNH	21/10/2007	26.03	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
135	PHẠM THẾ ĐỨC	30/10/2007	26.03	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
136	TRẦN MINH SƠN	05/12/2007	25.89	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
137	VŨ ANH QUÂN	17/09/2007	25.89	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
138	LÊ VIỆT THẮNG	30/06/2007	25.65	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
139	NGUYỄN MINH HOÀNG	16/06/2007	25.65	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
140	PHẠM THỊ NGỌC ANH	27/08/2007	25.57	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
141	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	10/10/2006	25.57	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
142	NGHIÊM XUÂN ĐỨC NGHĨA	26/12/2007	25.5	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
143	ĐOÀN TIẾN VƯỢNG	23/08/2007	25.43	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
144	LÊ MẠNH KHANG	07/05/2007	25.41	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
145	ĐẶNG DUY ANH	21/07/2007	25.4	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
146	ĐÀO TRƯỜNG KHOA	09/11/2007	25.33	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
147	NGÔ HUY HOÀNG	27/11/2007	25.33	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
148	ĐÀM ĐỨC ĐẠI	22/10/2007	25.33	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
149	BÙI NHẬT MINH	22/11/2007	25.25	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
150	NGUYỄN AN HIỆP	10/04/2007	25.25	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
151	NGUYỄN MINH TRANG	18/02/2006	25.24	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
152	HÀ MINH THẮNG	19/03/2007	25.1	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
153	LÊ NGUYỄN MINH THUẬN	11/08/2007	25.1	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
154	TRẦN TIẾN ĐẠT	21/01/2007	25.1	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
155	MAI ANH THẾ	20/07/2007	25.1	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
156	BÙI VĂN MINH	20/10/2007	25.1	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
157	QUÁCH THỊ HOÀI THU	18/02/2007	25	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
158	PHẠM MINH TUẤN	08/07/2007	24.93	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
159	LÊ KHẮC HUY	15/02/2007	24.93	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
160	PHẠM HẢI QUANG	20/03/2007	24.87	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
161	TRẦN VĂN NHẬT	21/11/2007	24.87	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
162	LÊ THỊ THƯƠNG	10/03/2007	24.87	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
163	NGUYỄN NGUYỄN MINH	26/03/2007	24.78	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
164	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	07/07/2007	24.75	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
165	LẠI HUY TRƯỜNG	03/05/2007	24.68	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
166	NGUYỄN GIA BẢO	22/06/2007	24.65	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
167	NGUYỄN ANH TUẤN	30/03/2007	24.63	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
168	PHẠM HỒNG NHUNG	06/07/2007	24.63	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
169	THÁI KHẮC KIÊN	24/05/2007	24.63	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
170	CÙ HOÀNG LỘC	05/08/2007	24.6	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
171	PHẠM HOÀNG LONG	11/06/2007	24.6	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
172	LÊ HƯƠNG GIANG	09/04/2007	24.57	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
173	THỐI NGUYỄN BÍCH NGỌC	26/07/2007	24.57	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
174	VŨ NAM KHÁNH	08/11/2007	24.44	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
175	NGUYỄN TÀI NHẬT	11/12/2007	24.44	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
176	NGUYỄN MẠNH HÙNG	02/01/2007	24.4	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
177	NGUYỄN BÁ QUANG LINH	23/02/2007	24.4	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
178	TRẦN THỊ MỸ QUYÊN	07/03/2007	24.4	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
179	PHAN TRUNG KIÊN	22/02/2007	24.38	DS03	An toàn không gian mạng (Hệ Dân sự)
180	NGUYỄN TÙNG LÂM	22/09/2007	27.9	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
181	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	21/11/2007	27.5	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
182	TRẦN HỮU ĐẠT	16/10/2007	27.43	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
183	VÕ TRỌNG THẮNG	10/05/2007	26.97	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
184	ĐỖ TUẤN HẢI	04/08/2007	26.62	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
185	NGUYỄN MINH THÀNH	18/03/2007	26.5	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
186	ĐOÀN HẢI NGUYỄN	27/02/2007	26.5	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
187	ĐẶNG NHẬT MINH	09/07/2007	26.5	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
188	ĐỖ ĐÌNH ĐỨC	18/07/2007	26.5	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
189	VŨ ANH QUÂN	07/01/2007	26.4	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
190	NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG LINH	21/05/2007	26.38	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
191	HOÀNG VIỆT ĐỨC	02/01/2007	26.38	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
192	NGUYỄN TRƯỜNG NHÂN	24/07/2007	26.38	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
193	NGUYỄN VĂN QUÝ	24/02/2007	26.27	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
194	NGUYỄN HIẾU MINH	17/01/2007	26.27	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
195	TRẦN ĐỨC HUY	10/09/2007	26.18	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
196	NGUYỄN VĂN TRUNG	21/11/2007	26.13	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
197	PHẠM HUY CHẤN PHONG	01/12/2007	26.13	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
198	ĐẶNG QUANG HẢI	21/01/2007	26.13	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
199	TRẦN TÙNG DƯƠNG	02/10/2007	26.13	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
200	PHẠM LÊ ĐỨC MẠNH	18/09/2007	26.13	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
201	ĐỖ QUANG THẮNG	12/08/2007	26.03	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
202	TRẦN TUẤN ANH	15/04/2007	26.03	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
203	VÕ DUY MINH ANH	12/02/2007	26.03	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
204	NGUYỄN TUẤN VIỆT	18/02/2007	25.95	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
205	PHẠM CHÍ MINH	22/06/2007	25.89	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
206	HOÀNG KHẮC QUYẾT	19/01/2007	25.89	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
207	PHÙNG ĐỨC NHÂN	11/08/2007	25.88	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
208	DƯƠNG VĂN QUỐC VIỆT	30/09/2007	25.8	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
209	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	15/08/2007	25.8	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
210	TRẦN ĐĂNG KHOA	23/01/2007	25.73	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
211	HỒ GIA PHONG	22/03/2007	25.68	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
212	ĐOÀN VŨ MINH	15/11/2007	25.65	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
213	PHƯƠNG THỊ DIỆP CHI	09/09/2007	25.65	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
214	PHẠM TÚ ANH	11/12/2007	25.57	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
215	NGUYỄN THÀNH LUÂN	28/02/2007	25.57	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
216	ĐOÀN THỊ THU HOÀI	16/10/2007	25.57	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
217	LÊ THẾ BẢO	30/04/2007	25.57	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
218	NGUYỄN THẾ HUY TÚ	06/07/2007	25.57	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
219	NGUYỄN TIẾN THÀNH	21/03/2007	25.41	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
220	NGUYỄN VIỆT TIẾN ĐẠT	24/12/2007	25.41	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
221	NGUYỄN HIỀN VINH	22/04/2007	25.41	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
222	NGUYỄN THÀNH NAM	26/05/2007	25.41	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
223	NGUYỄN ANH BẢO	02/10/2007	25.33	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
224	TRẦN HÀ TUYỀN	08/12/2007	25.33	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
225	TRẦN ĐỨC MINH	27/08/2007	25.33	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
226	LÊ XUÂN HUY HOÀNG	04/06/2007	25.33	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
227	NGUYỄN TRIỆU VÂN	11/08/2007	25.28	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
228	ĐINH THỊ KIM HUỆ	26/11/2007	25.25	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
229	NGUYỄN QUANG TƯỜNG	14/09/2007	25.25	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
230	PHẠM CHU GIA MINH	14/08/2007	25.25	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
231	HOÀNG MINH CHIẾN	08/06/2007	25.17	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
232	NGUYỄN QUANG NGỌC	06/04/2007	25.17	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
233	PHẠM TUẤN DŨNG	23/07/2007	25.17	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
234	NGUYỄN CÔNG MINH	04/11/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
235	KHÔNG THÀNH LONG	21/11/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
236	NGUYỄN SĨ CÔNG	06/01/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
237	PHẠM THÀNH LƯƠNG	16/04/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
238	LÊ HOÀNG DƯƠNG	20/12/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
239	NGUYỄN DUY ĐÔNG	03/04/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
240	TRẦN ĐỨC THIỆN	21/05/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
241	LÊ HỮU THÀNH	17/08/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
242	TRẦN ĐỨC HIẾU	30/11/2007	25.1	DS04	Điện tử - viễn thông (Hệ dân sự)
243	BÙI NGUYỄN TIẾN DŨNG	29/11/2007	27.78	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
244	TRẦN TIẾN CƯỜNG	09/11/2007	27.67	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
245	VĂN ANH TUẤN	04/01/2007	27.61	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
246	NGUYỄN CÔNG TUẤN KHÔI	24/02/2007	27.5	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
247	ĐỒNG QUANG THẮNG	18/06/2007	27.5	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
248	LƯƠNG NGỌC SON	28/12/2007	27.43	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
249	ĐUỜNG TRỌNG DÂN	17/02/2007	27.34	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
250	TRỊNH THỊ YẾN NHI	14/11/2007	27.2	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
251	NGUYỄN ĐỨC NAM	24/09/2007	27.08	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
252	TRƯƠNG TUẤN ANH	25/10/2007	27	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
253	NGUYỄN KIM PHÚ	23/10/2006	26.73	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
254	NGUYỄN ĐẠI HỒNG	01/07/2007	26.62	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
255	ĐÀO THANH TÙNG	16/09/2007	26.5	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
256	DIỆP ANH VŨ	15/09/2007	26.5	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
257	LÊ DANH CƯỜNG	14/11/2007	26.38	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
258	PHẠM HỮU NGUYỄN	10/11/2007	26.27	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
259	NGUYỄN ANH QUÂN	11/11/2007	26.27	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
260	NGUYỄN TIẾN THÀNH	21/07/2007	26.27	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
261	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	12/01/2007	26.27	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
262	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	07/01/2007	26.13	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
263	HỒ ĐÌNH HOÀNG DƯƠNG	17/11/2006	26.13	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
264	NGUYỄN KHẮC LONG	26/09/2007	26.03	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
265	VŨ ANH TUẤN	03/01/2007	26.03	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
266	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	10/08/2007	26.03	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
267	LƯƠNG HẢI ĐĂNG	01/04/2007	26	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
268	LÊ VĂN QUÂN	04/08/2007	25.96	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
269	HOÀNG HUY HOÀN	22/10/2006	25.94	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
270	NGUYỄN VĂN THẢO	04/02/2007	25.89	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
271	TRẦN ANH DŨNG	13/04/2007	25.75	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
272	PHÙNG NGUYỄN HUY HOÀNG	21/09/2006	25.71	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
273	ĐOÀN MINH TIẾN	03/04/2007	25.65	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
274	VŨ ĐỨC KHOA	12/04/2007	25.57	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
275	PHẠM THÁI VIỆT HIẾU	01/04/2007	25.57	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
276	LÊ HUY HOÀNG	12/07/2007	25.41	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
277	CHU VĂN CÔNG	23/02/2006	25.41	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
278	NGUYỄN ĐÌNH GIANG	30/12/2007	25.33	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
279	LÊ XUÂN HOÀNG	28/10/2007	25.33	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
280	VŨ TIẾN DŨNG	23/02/2007	25.33	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
281	NGÔ ĐĂNG AN	06/05/2007	25.25	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
282	NGUYỄN HỮU MẠNH ĐỨC	24/09/2007	25.25	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
283	NGUYỄN HUY HOÀNG	22/08/2007	25.25	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
284	TRƯƠNG QUANG GIÁP	11/05/2004	25.25	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
285	PHẠM HOÀNG MINH	09/12/2007	25.17	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
286	ĐÀM KHƯƠNG DUY	15/01/2007	25.17	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
287	PHƯƠNG KIM HOÀNG	28/04/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
288	NGUYỄN XUÂN HẢI	24/09/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
289	ĐẶNG HẢI NAM	01/11/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
290	TRẦN CAO CƯỜNG	19/03/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
291	TRẦN HOÀNG HIẾU	30/10/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
292	LÊ HOÀNG THIÊN	05/12/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
293	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC NHÂN	29/05/2007	25.1	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
294	TRỊNH XUÂN TIỀN	24/07/2007	25.05	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
295	NGUYỄN TUẤN MINH	22/09/2007	25	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
296	NGUYỄN KHẮC TIỀN	21/03/2007	24.93	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
297	NGUYỄN ANH SƠN	28/12/2007	24.93	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
298	ĐỖ VĂN TOÀN	07/06/2007	24.93	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
299	NGUYỄN XUÂN THẮNG	25/11/2007	24.93	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
300	HOÀNG KIÊN TIỀN NAM	05/12/2007	24.93	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
301	PHẠM NGUYỄN ANH QUÂN	28/11/2007	24.87	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
302	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	22/12/2005	24.75	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
303	PHẠM TẤN DŨNG	03/12/2007	24.75	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng (Hệ Dân sự)
304	LÊ TRẦN TIỀN DŨNG	05/10/2007	28.25	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
305	VŨ THỊ HỒNG SEN	15/08/2007	28.07	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
306	LÊ VĂN THẮNG	07/08/2007	28.07	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
307	VŨ CÔNG VINH	11/06/2007	27.83	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
308	ĐỒNG TIỀN HẢI	26/07/2006	27.57	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
309	TRẦN LÊ HOÀNG DŨNG	16/12/2007	27.43	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
310	ĐÀO MẠNH DUY	02/02/2007	27.43	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
311	HỒ ĐỨC THẮNG	24/10/2007	27.43	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
312	PHẠM NGUYỄN VIỆT HÙNG	02/12/2006	27.35	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
313	ĐẶNG LÂM ANH ĐỨC	16/11/2007	27.1	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
314	BÙI NGUYỆT HÂN	01/02/2007	26.99	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
315	MAI ĐẠI HẢI	04/02/2007	26.97	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
316	PHẠM HOÀNG VIỆT	07/10/2007	26.97	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
317	PHẠM NGỌC QUÂN	01/02/2007	26.97	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
318	LÊ NGUYỄN ĐỨC MINH	12/09/2007	26.86	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
319	LÊ ĐẠI TUẤN	30/11/2007	26.86	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
320	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	17/06/2007	26.85	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
321	NGUYỄN ĐOÀN TIẾN	25/10/2007	26.63	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
322	LÊ NGỌC TRÁNG	28/09/2007	26.63	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
323	LƯƠNG XUÂN THÁI	26/05/2007	26.5	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
324	LÊ VĂN MINH TUẤN	24/05/2007	26.38	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
325	PHẠM ĐÌNH CHUƠNG	15/07/2007	26.27	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
326	LÊ QUỐC HÙNG	12/01/2007	26.13	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
327	NGUYỄN HẢI NAM	20/07/2007	26.13	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
328	HOÀNG ANH DŨNG	22/07/2007	26.03	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
329	ĐOÀN ANH ĐỨC	28/12/2007	26.03	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
330	NGUYỄN XUÂN HỒNG PHÚC	14/03/2007	26.03	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
331	NGUYỄN VĂN HÙNG	30/03/2007	26.03	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
332	LÊ TUẤN HÙNG	19/01/2007	26	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
333	CAO ĐỨC MẠNH	30/08/2007	25.85	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
334	PHẠM NGỌC HUY	23/10/2007	25.8	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
335	NGUYỄN MINH KHÔI	24/04/2007	25.75	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
336	TRẦN LÊ HOÀNG	05/04/2007	25.75	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
337	NGUYỄN HUYỀN TRANG	06/12/2007	25.73	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
338	ĐOÀN TRỌNG HƯNG	06/03/2007	25.65	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
339	BẠCH MINH HOÀNG	11/08/2007	25.65	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
340	VŨ THANH HOÀNG	29/10/2007	25.57	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
341	ĐÀO ĐỨC HOÀNG	18/05/2007	25.57	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
342	ĐINH MINH DŨNG	23/10/2007	25.41	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
343	VŨ ĐĂNG CƯỜNG	27/09/2007	25.41	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano (Hệ Dân sự)
344	TRƯƠNG QUANG MẠNH	24/08/2007	28.65	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
345	NGUYỄN BÁ BÁCH	28/01/2007	28.65	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
346	NGUYỄN MINH ĐỨC	27/11/2007	28.5	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
347	LÊ ĐÌNH TUẤN	27/10/2007	28.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
348	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	08/03/2007	28.31	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
349	PHẠM HOÀNG KHÔI	20/06/2007	28.07	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
350	PHẠM DƯƠNG KHÁNH	16/08/2007	27.9	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
351	VŨ ĐỨC THỊNH	28/02/2007	27.9	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
352	NGUYỄN CHÍ DŨNG	26/06/2007	27.83	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
353	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	28/07/2007	27.83	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
354	NGUYỄN HUY AN	02/11/2007	27.67	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
355	VŨ ĐỨC HÙNG	22/12/2007	27.67	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
356	TRẦN NAM KHÁNH	01/10/2007	27.67	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
357	LÊ VĂN QUỐC	06/04/2007	27.67	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
358	TRƯƠNG MINH HIẾU	20/04/2007	27.63	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
359	NGUYỄN VĂN HUY	21/05/2007	27.58	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
360	NGUYỄN TRẦN NHẬT NAM	26/10/2007	27.58	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
361	PHẠM TRƯỜNG GIANG	04/02/2007	27.58	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
362	NGUYỄN QUANG ANH	12/12/2007	27.58	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
363	TRẦN TUẤN ĐẠT	17/02/2007	27.53	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
364	LÊ VŨ TRUNG	28/11/2007	27.5	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
365	NGUYỄN THÀNH LONG	12/05/2007	27.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
366	TRẦN VÕ TẤN PHÁT	16/10/2007	27.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
367	BÙI MẠNH TRÍ	13/10/2007	27.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
368	TRẦN MINH SƠN	09/02/2007	27.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
369	TRỊNH HỮU NGỌC HIẾU	28/06/2007	27.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
370	LẠI KHẮC ANH CƯỜNG	22/03/2007	27.43	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
371	TRẦN ĐỨC MẠNH	12/06/2007	27.34	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
372	NGUYỄN ANH TÚ	14/12/2007	27.34	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
373	PHẠM QUỐC THẮNG	11/05/2007	27.34	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
374	LÊ NGUYỄN LONG	01/01/2007	27.3	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
375	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	05/01/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
376	KHÔNG SƠN TÙNG	03/07/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
377	NGUYỄN NGỌC ÁNH	13/03/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
378	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	03/11/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
379	NGUYỄN TRỌNG QUỲNH	26/01/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
380	NGUYỄN CẢNH HÀO	17/12/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
381	LÊ VĂN NHẬT	16/11/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
382	NGUYỄN HỮU ĐẮC	24/11/2007	27.2	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
383	PHAN XUÂN VIỆT	15/06/2007	27.17	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
384	MA VĂN VŨ	27/08/2007	27.15	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
385	TRẦN GIA BẢO	07/12/2007	27.1	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
386	PHẠM QUANG MINH	17/09/2007	27.1	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
387	NGUYỄN HOÀN CẦU	23/06/2007	27.1	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
388	TRỊNH TIẾN ĐẠT	04/10/2007	27.1	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
389	NGUYỄN ĐÌNH HẢI HOÀN	29/04/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
390	NGUYỄN TIẾN GIANG	06/01/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
391	NGUYỄN VĂN PHÚ	17/06/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
392	LÊ CÔNG HOÀNG LONG	14/11/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
393	NGUYỄN CHÍ THANH	21/03/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
394	NGUYỄN PHÚ THÀNH	29/11/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
395	MAI ĐẠI HẢI	06/11/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
396	MAI TUẤN NAM	06/12/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
397	NGUYỄN THANH PHONG	22/12/2007	26.97	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
398	ĐOÀN QUỐC HUY	21/05/2007	26.86	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
399	ĐỖ THỌ TUẤN ANH	02/03/2007	26.86	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
400	NGUYỄN MINH QUÂN	20/07/2007	26.86	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
401	NGUYỄN VIỆT TRUNG	03/10/2007	26.86	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
402	NGUYỄN MINH ĐỨC	06/12/2007	26.86	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
403	LƯƠNG QUANG SÁNG	28/03/2007	26.86	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
404	NGUYỄN HOÀNG HẢI	23/10/2007	26.85	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
405	BÙI MINH HIẾU	04/07/2007	26.83	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
406	NGUYỄN ANH NGỌC MẠNH	13/06/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
407	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	07/12/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
408	ĐỖ TRUNG ANH	23/09/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
409	ĐỖ HOÀNG ANH	08/12/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
410	TRIỆU THỊ TRÀ MY	16/05/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
411	PHAN HOÀI NAM	12/10/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
412	NGUYỄN AN NINH	14/09/2007	26.73	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
413	ĐINH TRUNG KIÊN	02/09/2007	26.67	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
414	LÊ XUÂN VƯỢNG	15/05/2007	26.63	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
415	NGUYỄN HỮU THỨC	26/11/2007	26.62	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
416	HOÀNG NGỌC DƯỠC	29/07/2007	26.62	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
417	HOÀNG ANH TUẤN	22/08/2007	26.62	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
418	ĐOÀN QUỐC KHÁNH	22/06/2007	26.62	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
419	NGUYỄN TIẾN DƯƠNG	05/06/2007	26.52	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
420	ĐÀO THỂ PHONG	08/03/2007	26.51	DS07	Tự động hóa (Hệ Dân sự)
421	NGUYỄN TIẾN HÙNG	30/03/2007	27.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
422	KHÚC HỢP THUẬN	15/07/2007	27.43	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
423	NGUYỄN NGỌC DŨNG	22/04/2007	27.34	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
424	VŨ ĐẠI PHÁT	17/08/2007	27.2	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
425	HOÀNG TRUNG KIÊN	02/07/2007	27.08	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
426	NGUYỄN HOÀNG VĂN	15/11/2007	26.97	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
427	DƯƠNG MINH HẢI	03/06/2007	26.96	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
428	NGUYỄN QUANG HUY	03/01/2007	26.86	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
429	HOÀNG MINH HIỆP	27/06/2007	26.73	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
430	LẠI VY BẢO	17/02/2007	26.62	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
431	HOÀNG AN KHÁNH	23/08/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
432	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	19/02/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
433	VĂN TUẤN ANH	04/01/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
434	NGÔ TRUNG HIẾU	25/09/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
435	BÙI THẾ VINH	02/01/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
436	VŨ NGỌC ANH TIẾN	31/08/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
437	PHAN VĂN HOÀNG	27/08/2006	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
438	NGUYỄN CAO BẢO	21/01/2007	26.5	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
439	TÀO TUẤN TÀI	09/08/2007	26.4	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
440	NGUYỄN MINH ĐỨC	23/05/2007	26.38	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
441	VŨ HUY HOÀNG	31/01/2007	26.38	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
442	NGUYỄN QUANG HIẾU	29/09/2007	26.38	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
443	HOÀNG DUY KHÁNH	09/04/2007	26.36	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
444	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	25/07/2007	26.36	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
445	GIÁP DUY MẠNH	20/12/2007	26.27	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
446	TRẦN VĂN QUÂN	08/06/2007	26.27	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
447	HOÀNG QUỐC CƯỜNG	26/01/2007	26.27	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
448	NGUYỄN CẢNH TRƯỜNG	02/07/2007	26.24	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
449	NGUYỄN TUẤN MINH	26/01/2007	26.23	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
450	ĐINH VĂN QUỐC ANH	28/02/2006	26.22	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
451	TẠ THANH TÙNG	07/09/2007	26.18	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
452	VŨ TIẾN MINH	19/10/2007	26.13	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
453	TRẦN DUY MẠNH	03/05/2007	26.13	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
454	NGUYỄN VĂN HUY	23/09/2007	26.13	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
455	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	15/07/2007	26.13	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
456	VI NGỌC MINH	24/04/2007	26.04	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
457	NGUYỄN HỒNG PHÚC	14/03/2007	26.03	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
458	TRƯƠNG ĐÌNH TUYẾN	07/06/2007	26.03	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
459	ĐỖ HỮU ĐẠT	29/01/2007	26.03	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
460	PHẠM VIỆT HÙNG	18/04/2007	26.03	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
461	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	21/12/2007	26.03	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
462	TRỊNH VINH THẮNG	21/06/2007	26.03	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
463	ĐỖ LÊ MINH	17/03/2007	26	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
464	TẠ TÂN TÂN	08/11/2007	25.95	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
465	PHAN KHÔI NGUYỄN	23/12/2007	25.94	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
466	NGUYỄN TIỀN TÀI	26/01/2007	25.89	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
467	NGUYỄN VĂN CHIẾN	11/11/2007	25.89	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
468	BÙI DUY ANH TUẤN	05/09/2007	25.88	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
469	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	01/08/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
470	LƯƠNG VIỆT DŨNG	23/12/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
471	NGUYỄN MINH ĐỨC	18/11/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
472	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	20/10/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
473	PHẠM HOÀNG VŨ	05/07/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
474	NGUYỄN XUÂN CƯƠNG	13/12/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
475	NGUYỄN XUÂN LUYỆN	15/04/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
476	NGUYỄN THẾ MẠNH	27/06/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
477	LÊ ĐÌNH DŨNG	26/04/2007	25.8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
478	TRẦN TRỌNG NGHĨA	03/07/2007	25.75	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
479	TRẦN HOÀNG HẢI	03/06/2007	25.73	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
480	LƯU VĂN NAM	11/08/2006	25.73	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử (Hệ Dân sự)
481	TRẦN NGỌC HIẾU	23/12/2007	26.5	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
482	LÊ NGỌC TÂN	11/06/2007	26.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
483	ĐÌNH GIA MINH	27/06/2007	26.38	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
484	NGUYỄN VĂN HỘI	18/05/2007	26.03	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
485	NGÔ MINH TÂY	22/08/2007	26.03	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
486	HOÀNG TRUNG HIẾU	03/09/2007	26	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
487	TRẦN TUẤN ANH	05/08/2007	25.8	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
488	LÊ THẾ MINH	21/11/2007	25.8	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
489	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	29/11/2007	25.8	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
490	TRẦN VĂN HÒA	10/11/2007	25.8	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
491	NGUYỄN THÁI HUY	13/06/2007	25.73	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
492	NGUYỄN NAM KHÁNH	08/07/2007	25.65	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
493	PHÙNG ĐỨC LUẬN	17/04/2007	25.57	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
494	ĐOÀN ÁNH DƯƠNG	11/06/2007	25.57	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
495	LƯƠNG BÁ ĐỨC	22/01/2007	25.5	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
496	PHAN MẠNH THẮNG	06/08/2007	25.43	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
497	TRẦN TIẾN MINH	03/11/2007	25.33	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
498	ĐÌNH DUY PHÚC	02/10/2007	25.33	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
499	ĐÌNH QUANG KHẢI	23/07/2007	25.26	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
500	NGÔ MINH DUY	25/01/2007	25.25	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
501	NỊNH HOÀNG QUÂN	19/07/2007	25.25	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
502	KIỀU HẢI NAM	03/09/2007	25.17	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
503	TỔNG VĂN LONG	14/08/2007	25.17	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
504	TẠ QUANG PHÚ	19/08/2007	25.1	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
505	BÙI HÒA PHÁT	21/11/2007	25.1	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
506	ĐÀO TRUNG HIẾU	19/01/2005	25.05	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
507	VŨ TUẤN ĐẠT	14/10/2007	25.05	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
508	TRẦN NHẬT NAM	26/12/2007	25.02	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
509	VŨ HUY LONG	02/02/2007	25	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
510	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	03/11/2007	24.87	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
511	HOÀNG NGỌC CỬ	26/02/2007	24.87	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
512	NGUYỄN TIẾN DUY	21/08/2007	24.83	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
513	TRẦN HẢI ANH	23/02/2007	24.68	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
514	ĐINH HỮU LỘC	14/04/2007	24.68	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
515	TRẦN SÁCH QUANG SÁNG	03/06/2007	24.68	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
516	NGUYỄN TRỊNH MINH DUY	28/01/2007	24.68	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
517	NGUYỄN DUY KHÁNH	22/07/2007	24.63	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
518	PHÍ VIỆT THÀNH	19/04/2007	24.63	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
519	VŨ QUANG KHẢI	28/08/2007	24.63	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
520	ĐỖ THÀNH ĐẠT	13/03/2007	24.63	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
521	ĐINH HẢI ĐĂNG	05/11/2007	24.6	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
522	DƯƠNG NAM PHONG	12/10/2007	24.57	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
523	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	08/10/2007	24.57	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
524	NGUYỄN VĂN AN	02/05/2007	24.54	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
525	PHAN CHÍ CHUNG	22/03/2007	24.5	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
526	VŨ NGUYỄN ĐỨC HIẾU	03/07/2007	24.49	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
527	LƯƠNG MẠNH HÙNG	21/07/2007	24.44	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
528	CHU QUỐC HÙNG	25/11/2007	24.44	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
529	DƯƠNG THÀNH TIẾN	08/09/2007	24.44	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
530	TRẦN KHÁNH LY	18/11/2007	24.44	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
531	LƯƠNG VĂN HẬU	23/04/2007	24.44	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
532	NGUYỄN CHUNG NGỌC	31/08/2007	24.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
533	NGUYỄN CÔNG HIẾU	25/04/2007	24.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
534	BÙI THANH TÚ	04/03/2007	24.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
535	NGÔ DUY BẰNG	27/09/2007	24.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
536	HOÀNG THANH PHÚC	27/01/2007	24.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
537	HỒ KHẮC MẠNH	02/01/2007	24.4	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
538	ĐINH TIẾN QUANG	09/12/2007	24.38	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
539	ĐÀO HỮU VIỆT ANH	23/11/2007	24.38	DS09	Công nghệ chế tạo máy (Hệ Dân sự)
540	NGUYỄN MINH HUY	01/06/2007	26.03	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
541	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	24/10/2007	25.65	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
542	HÀ TUẤN HÙNG	14/06/2007	24.87	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
543	NGUYỄN TRUNG DŨNG	08/10/2007	24.68	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
544	LƯU GIA HUY	02/11/2007	24.2	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
545	TRƯƠNG ĐÌNH VINH	08/12/2007	24.17	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
546	PHAN THỊ PHƯƠNG UYÊN	08/09/2005	24.01	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
547	NGUYỄN TUẤN KHANH	26/06/2007	23.85	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
548	NGUYỄN THÀNH CHUNG	06/09/2007	23.72	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
549	LÊ TIẾN NGHĨA	07/09/2007	23.72	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
550	VŨ QUANG KHẢI	21/11/2007	23.7	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
551	NGUYỄN BÁ NAM	13/09/2007	23.48	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
552	VŨ BẢO MINH	26/08/2007	23.35	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
553	NGÔ CHÍ HÙNG	18/08/2007	23.35	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
554	ĐỖ QUANG TRƯỜNG	28/07/2007	23.34	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
555	VŨ ĐÌNH LONG	16/03/2007	23	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
556	DOÃN VIỆT HOÀNG	15/06/2007	23	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
557	PHẠM BÙI TIẾN DŨNG	01/09/2007	23	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
558	TRỊNH HOÀNG LONG	21/08/2007	23	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
559	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	19/11/2007	22.99	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
560	ĐẶNG NGỌC HIỀN	20/11/2006	22.85	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
561	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	21/05/2007	22.76	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
562	NGUYỄN NHẬT HÀO	19/02/2007	22.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
563	HOÀNG NGỌC VƯƠNG	18/01/2007	22.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
564	HOÀNG TUẤN TÚ	09/01/2007	22.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
565	TRẦN TIẾN DŨNG	09/01/2007	22.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
566	NGUYỄN DUY PHONG	29/10/2006	22.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
567	NGUYỄN NGỌC KHÁNH ĐĂNG	06/09/2007	22.44	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
568	NINH GIA BẢO	09/10/2006	22.4	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
569	LÊ VƯƠNG CƯỜNG	15/06/2006	22.35	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
570	NGUYỄN GIA BẢO	10/01/2007	22.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
571	NGUYỄN BÌNH AN	22/08/2007	22.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
572	NGUYỄN HỒNG PHÚC	15/09/2006	22.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
573	NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG	06/12/2007	22.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
574	TRẦN NGỌC DUY	30/11/2007	22.1	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
575	NGUYỄN BẢO KHANH	29/03/2007	22	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
576	CHU ANH DŨNG	20/09/2007	21.85	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
577	NGUYỄN QUANG TÙNG LONG	26/02/2006	21.84	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
578	DƯƠNG TUẤN TÚ	01/10/2007	21.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
579	ĐỖ HOÀNG LỰC	24/01/2007	21.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
580	ĐỖ BÁ LUẬN	03/04/2007	21.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
581	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	24/01/2007	21.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
582	VI THÙY CHÂM	20/08/2007	21.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
583	LÊ QUANG HOÀNG	21/08/2007	21.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
584	VŨ ĐỨC HOA	25/04/2007	21.45	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
585	LÊ VĂN DUY	13/03/2006	21.34	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
586	NGUYỄN TUẤN TÚ	01/10/2007	21.34	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
587	NGUYỄN TUẤN THÀNH	12/09/2007	21.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
588	ĐỖ QUANG TRUNG	15/10/2007	21.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
589	BÙI ĐỨC MẠNH	11/08/2007	21.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
590	DƯƠNG THẢO ANH	05/07/2007	21.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
591	PHAN GIA LINH	11/03/2007	21.1	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
592	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	30/11/2007	21	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
593	NGUYỄN DUY TRIỆU	03/11/2007	21	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
594	NGUYỄN XUÂN AN	10/03/2007	20.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
595	VŨ TRỌNG DUY	04/01/2007	20.75	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
596	PHẠM MINH CHÍ	11/12/2007	20.6	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
597	THIỀU CHÍ PHÚC	12/08/2007	20.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
598	PHAN VĂN PHÚC	04/06/2007	20.5	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tổng điểm	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
599	NGUYỄN QUỐC HUY	20.45	20.45	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
600	ĐÀO MINH HOÀNG	20.35	20.35	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)
601	NGUYỄN BÁ ĐỨC	20.25	20.25	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Dân sự)